

Bản án số: 163/2022/DS - PT

Ngày: 04/7/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Dương Thị Tuyết Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TBTL-TA ngày 01 tháng 6 năm 2022 về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1793/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn Q, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị C, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao H, sinh năm 1992, địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Cao T, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình .Vắng.

* **Người kháng cáo:** ông Cao H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong các buổi hòa giải, nguyên đơn ông Cao Văn Q và người đại diện theo ủy quyền anh Cao H trình bày:**

Năm 2003, gia đình ông Q, bà C được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 21.600m² đất rừng sản xuất tại Lô số 8, khoảnh 5, tiểu khu 78 tại thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Năm 2008, gia đình ông được cấp diện tích 9.323m² thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38 tại khu C, thôn Q, xã H với diện tích mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, có 3.113m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông. Sau khi được giao gia đình ông có trồng keo trầm nhưng do thiếu vốn nên chưa trồng hết diện tích đất. Tuy nhiên gia đình ông, bà không bỏ hoang đất mà vẫn trồng các cây nông nghiệp ngô, sắn trên đất. Năm 2016 ông phát hiện các hộ gia đình ông Cao T, ông Cao Ngọc L, ông Đinh Xuân C đã lấn chiếm và sử dụng khoảng 6.000m² đất của ông. Cụ thể ông T lấn chiếm khoảng 1.500m², ông yêu cầu ông T trả lại diện tích đất nhưng ông T không chấp nhận. UBND xã H đã hòa giải nhưng không đạt kết quả nên ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại 1.500m² đất để gia đình ông sử dụng.

Hiện nay, trên diện tích đất mà ông Cao T lấn chiếm đã có cây keo trầm khoảng 3 năm tuổi do ông T trồng. Ông Q, bà C đề nghị Tòa án không chấp nhận lời trình bày của ông T về việc ông T sử dụng đất từ năm 1990 vì ông T không có giấy tờ gì để chứng minh ngoài lời trình bày của mình. Các người làm chứng xác nhận cho hộ ông Cao T trực tiếp sản xuất từ năm 1990 toàn là người họ hàng, anh em con chú bác với ông T nên không khách quan, không có căn cứ về pháp luật, không chứng minh được việc ông T có trồng 03 lứa keo trầm trên đất. Gia đình ông sinh sống ổn định tại thôn Q hoàn toàn không thấy ông T canh tác trên thửa đất này, sau khi ông khởi kiện, ông T mới đi nhờ người xác nhận nội dung đã canh tác từ năm 1990.

Ông, bà đồng ý với kết quả đo đạc, thẩm định của Tòa án xác định. Ông, bà yêu cầu ông T có trách nhiệm giải phóng số cây keo trầm trên đất để trả lại diện tích 1.450 m² đã bao chiếm của ông, bà.

Tại Q định giám đốc thẩm số 28/2021/DS-GĐT ngày 02/6/2021 Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn không công nhận đất của ông T sản xuất từ năm 1990 là sử dụng hợp pháp và Toà án cũng chưa khẳng định việc UBND huyện M cấp đất cho ông Q, bà C là trái pháp luật, do đó, ông, bà đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác minh làm rõ lời khai của ông Cao T cho rằng đã khai hoang, trồng keo trên thửa đất từ năm 1990 đến nay không có tranh chấp và đã trồng 03 – 04 lứa keo và 05 người ông Q, ông T, ông T, bà H, bà K xác nhận lời khai ông T là đúng.

*** Tại bản tự khai, hòa giải, bị đơn – ông Cao T trình bày:**

Ông có mảnh đất khai hoang, phục hóa và sử dụng liên tục từ năm 1990 cho đến nay tại khu vực Cây Chu (C) tại thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình đến nay đã hơn 30 năm. Ông và các hộ gia đình khác đã khai hoang, phục hoá đất trồng đồi trọc, cải tạo đất để trồng rừng (tràm và bạch đàn) và hoa màu, không có ai tranh chấp, thửa đất của ông nằm liền kề với thửa đất của ông Cao Ngọc L và ông Đinh Xuân C; nhưng đến năm 2019, UBND xã H mời ông đến giải quyết, ông mới biết ông Cao Văn Q làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mảnh đất của ông, nguồn gốc thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38 gia đình ông đã sử dụng trồng keo 3 đợt và có nhiều người làm chứng. Do đó ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà C và yêu cầu ông Q, bà C bồi thường chi phí đi lại cho việc kiện tụng từ trước đến nay với số tiền 18.000.000 đồng

*** Đại diện UBND huyện M trình bày:**

Năm 2000, được sự hỗ trợ của Dự án An toàn lương thực để thực hiện công tác giao đất, giao rừng, UBND huyện T đã giao cho Hạt kiểm lâm làm chủ đầu tư để thực hiện công tác giao đất, giao rừng và tham mưu cho UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó có địa bàn xã H. Theo đó năm 2003, gia đình ông Q được giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 21.600m² thuộc Lô 8, khoảnh 5 tiểu khu 78 theo Giấy chứng nhận có số phát hành V696810 cấp ngày 09/8/2003.

Năm 2008, xã H thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN2000, đồng thời thực hiện việc cấp đổi lại Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân phù hợp với bản đồ mới. Hộ ông Q cũng được cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại 03 vị trí:

Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 ngoài tiểu khu (NTK/1) diện tích 9.323m², mục đích sử dụng đất trồng rừng thuộc khu vực C (hiện nay đang tranh chấp với ông T);

Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38 thuộc khoảnh 3, tiểu khu 78 diện tích 5.521m², đất trồng rừng thuộc khu vực Lèn Ông Ngoi;

Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 38 thuộc khoảnh 3, tiểu khu 78 diện tích 10.807m², đất trồng rừng thuộc khu vực Lèn Ông Ngoi;

Theo Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Cao Văn Q năm 2003, năm 2008 và bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2008 thì có 02 thửa đất mà ông Q được cấp đổi năm 2008 là thửa 99 và thửa 144, tờ bản đồ số 38, thuộc khoảnh 3 tiểu khu 78 có địa chỉ Lèn Ông Ngoi và Tiểu khu 78 trùng với thửa đất được giao năm 2000. Còn thửa 27 hiện đang tranh chấp không trùng với khu vực và tiểu khu thửa đất mà ông Q được cấp Giấy chứng nhận năm 2003. Khi so sánh thời hạn sử dụng thì các thửa đất đều có thời hạn đến năm tháng 7/2053, chứng tỏ rằng các thửa đất đều được cấp đổi từ năm 2003 nên có thời hạn sử dụng giống nhau.

Về thủ tục cấp thửa 27 hiện đang có tranh chấp: Theo biên bản xác nhận mốc giới, ranh giới thửa đất được lập ngày 23/9/2007 được chủ sử dụng, cán bộ đo đạc, hộ liền kề và UBND xã H xác nhận thì có chủ sử dụng là ông Q. Ông Q đã kê khai cấp Giấy CNQSD đất tại đơn đề nghị ngày 24/9/2007.

UBND huyện M đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ tài liệu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ủy ban nhân dân xã H trình bày:***

Ông Q được cấp đổi diện tích tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38, ngoài tiểu khu diện tích 9.323 m², mục đích sử dụng đất trồng rừng thuộc khu vực C và có 02 lô đất thuộc khu vực Lèn Ông Ngoi. Việc cấp đất trồng rừng tại khu vực Cây đèn không trùng với khu vực vị trí được cấp lần đầu năm 2000. Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Cao Văn Q là hồ sơ có đầy đủ các thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26 /2020/DS - ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định: chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C đối với ông Cao T;

Căn cứ Điều 166, Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 135, Điều 202, điều 203 Luật đất đai năm 2013 buộc ông Cao T trả lại cho ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C số diện tích đất đã lấn chiếm trồng keo là 1.450 m² (trong đó có 564m² đất thuộc hành lang giao thông đường bộ), có sơ đồ kèm theo, tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 1 đến điểm 7 dài 71,5m,
- + Phía Nam giáp đất ông Cao Văn Q đang sử dụng có chiều dài từ điểm 3 đến điểm 4 dài 8,06m và từ điểm 4 đến điểm 5 dài 10,82m và từ điểm 5 đến điểm 6 dài 17,72m,
- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp từ điểm 6 đến điểm 7 dài 18,57m,
- + Phía Tây giáp đất ông Cao Ngọc L đang sử dụng từ điểm 1 đến điểm 2 dài 17,72m và từ điểm 2 đến điểm 3 dài 38,1m.

Toàn bộ diện tích 1.450 m² thuộc thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C số AN 635977 cấp ngày 21/11/2008.

Về tài sản trên đất: Ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C được sở hữu số cây keo trên diện tích đất 1.450m² và có nghĩa vụ trả lại cho ông Cao T số tiền 4.253.000 đồng là giá trị cây keo đã định giá.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí dân sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/9/2020, ông Cao T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 19/2020/DS-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Cao T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Q định giám đốc thẩm số 28/2021/DS-GĐT ngày 02/6/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên bố: Huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 19/2020/DS-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS - ST ngày 26 tháng 8 năm

2020 của Tòa án nhân dân huyện M; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 08 tháng 07 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 15/2021/TLST-DS

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, ông T gửi đơn phản tố cho Tòa án nhân dân huyện M với nội dung: Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn Q tại thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38 để trả lại diện tích đất như ông đang sử dụng.

Căn cứ đơn phản tố của ông Cao T, Tòa án nhân dân huyện M đã ra Q định chuyển vụ án số 17/2021/QĐ-CVA ngày 30 tháng 7 năm 2021 để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý sơ thẩm vụ án ngày 26 tháng 10 năm 2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện M có Công văn trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nêu ý kiến về việc cấp giấy CNQSD đất đối với hộ gia đình ông Cao Văn Q với nội dung:

Xác định giấy CNQSD đất số AN 635977 của thửa đất số 27 tờ bản đồ số 27 tờ bản đồ số 38, diện tích 9.323 m² do UBND huyện M cấp cho ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C là cấp đổi theo chủ trương đo vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ toạ độ VN200 năm 2008 đồng thời cấp đổi lại giấy CNQSD cho các hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với hệ thống bản đồ mới; Theo Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) được lập vào ngày 23/9/2007 được chủ sử dụng, cán bộ đo đạc, hộ liên kề và UBND xã Hồng Hoá xác nhận hiện trạng thì thửa đất số 27 tờ bản đồ số 27 tờ bản đồ số 38 do ông Cao Văn Q sử dụng. Ông Q đã kê khai cấp giấy CNQSD tại đơn ngày 24 tháng 9 năm 2007; không xác định được thời điểm thi công dự án mở rộng tuyến Quốc lộ 12A đoạn có liên quan đến thửa đất số 27 tờ bản đồ số 27 tờ bản đồ số 38 là thời gian nào do đơn vị không lưu trữ Hồ sơ giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến Quốc lộ 12A

Tại các Biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở UBND xã Hồng Hoá có liên quan đến tranh chấp giữa hộ ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C và hộ ông Cao T lấy lời khai của bà Đinh Thị Độ, sinh năm 1956; ông Đinh Đức Dục, sinh năm 1952; ông Cao T, sinh năm 1968; ông Cao Thanh Q, sinh năm 1948; bà Cao Thị H, sinh năm 1972 đều xác nhận: ông Cao T là người khai hoang, sử dụng đất từ trước năm 1990 đến nay; ông Cao Văn Q không sử dụng, canh tác tại khu vực tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C về việc yêu cầu ông Cao T trả lại 1.450m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao T về việc yêu cầu ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C bồi thường thiệt hại 18.000.000 đồng đi lại để giải quyết vụ kiện.

3. Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao T:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C liên quan đến diện tích 1.450 m² đất tranh chấp với ông Cao T tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất đai nếu đủ điều kiện đăng ký theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5 2022, ông Cao H là người đại diện ủy quyền của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy án sơ thẩm vì các lý do:

- Việc thụ lý yêu cầu phản tố của ông Cao T là không đúng quy định tại Điều 200 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án sơ thẩm căn cứ giấy xác nhận các nhân chứng như ông Cao Thanh Q là con ông anh con em, bà Cao Thị H là em dâu, ông Cao T là em ruột, ông Đinh T là em rể là người thân cận trong gia đình, nhưng Tòa án chấp nhận là không khách quan, nên dẫn đến việc chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cao T là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C; nhận thấy:

[2.1] Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của ông Cao T là không đúng quy định tại Điều 200 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; nhận thấy: Tại Q định giám đốc thẩm số 28/2021/DS-GĐT ngày

02/6/2021 Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên bố huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 19/2020/DS-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS - ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 08 tháng 07 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý sơ thẩm lại vụ án. Ngày 19 tháng 7 năm 2021, ông T gửi đơn phản tố cho Toà án nhân dân huyện M trước khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, với nội dung: Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn Q tại thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38 để trả lại diện tích đất như ông đang sử dụng. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý đơn yêu cầu phản tố của ông Cao T là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, sau khi Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý sơ thẩm lại vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, nên ông Cao Văn Q kháng cáo yêu cầu áp dụng khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự là không có căn cứ.

[2.2] Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm căn cứ giấy xác nhận các nhân chứng như ông Cao Thanh Q là con ông anh con em, bà Cao Thị H là em dâu, ông Cao T là em ruột, ông Đinh T là em rể là người thân cận trong gia đình, nhưng Tòa án chấp nhận là không khách quan, nên dẫn đến việc chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cao T là không đúng pháp luật; nhận thấy:

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 13/10/2021, do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hiện đối với ông Cao Thanh Q, bà Cao Thị H, ông Cao T, ông Đinh T đều không thể hiện có mối quan hệ thân cận trong gia đình như ông Q trình bày. Mặt khác, ngoài lời khai các nhân chứng trên, còn có các ông, bà Đinh Thị Yên, Cao Thị Thanh Chương, Lê Thị Lập, Đinh Thị Độ, Đinh Thị Hương, Đinh Đức Dục là những nhân chứng trong vụ án đều xác nhận ông Cao T canh tác trên đất từ năm 1990 là đúng.

Mặt khác tại Công văn số 46/TNMT ngày 26/10/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện M, xác định: “...C 02 thửa đất mà ông Q được cấp đổi năm 2008 (Thửa số 99 và 144 tờ bản đồ số 38, thuộc khoảnh 3, tiểu khu 78) có địa chỉ thửa đất “Lên ông N” và Tiểu khu 78 trùng với thửa đất được giao năm 2000; còn vị trí thửa đất đang tranh chấp (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38, thuộc khu vực NTK/1 thuộc khu C), không trùng với khu vực và tiểu khu thửa đất mà ông Q được giao năm 2000”. Như vậy, việc cấp đổi Giấy CNQSD đất cho ông Q vào năm 2008 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 38 xã H là không đúng với thực tế sử dụng và trình tự thủ tục cấp đổi. Nên việc cấp thửa 27 cho ông Q được xác định cấp lần đầu, mới phù hợp. Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp đất cho ông Q không có xác nhận giới cận tiếp giáp của những người sử dụng đất liền kề; tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất chỉ có chữ ký xác nhận của ông Đinh Minh C mà không có chữ ký của những chủ sử dụng đất tiếp giáp còn lại. Do đó trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đất của ông Q là không đúng quy định.

Ngoài ra, theo kết quả kiểm tra thực tế thể hiện thửa đất số 27 tờ bản đồ số 38, diện tích 9.323 m², ông Q chỉ sử dụng diện tích 4.791 m², phần diện tích còn

lại 4.532 m² ông Q không sử dụng mặc dù được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2008; hiện tại có 03 hộ đang sử dụng phần diện tích còn lại này, trong đó có hộ ông Cao T sử dụng diện tích 1.450 m². Ông Cao T cho rằng, ông đã khai hoang trồng keo trên thửa đất từ năm 1990 đến nay không có tranh chấp, đã trồng 03 lứa keo (mỗi lứa từ 3 đến 5 năm).

Với tài liệu, chứng cứ nêu trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C về việc yêu cầu ông Cao T trả lại 1.450m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; đồng thời chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C liên quan đến diện tích 1.450 m² đất tranh chấp với ông Cao T tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Q, bà C kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông Q, bà C là người cao tuổi và thương bệnh binh nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C về việc buộc ông Cao T trả lại 1.450m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

- Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C có liên quan đến diện tích 1.450 m² đất tranh chấp với ông Cao T tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất đai nếu đủ điều kiện đăng ký theo quy định của Luật đất đai.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

3. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C. H trả cho ông Q, bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004987 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (do ông Cao H nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào